

Số 05 /BB-TĐ

Lai Châu, ngày 24 tháng 7 năm 2026



BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH
ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM
CƠ SỞ THU GOM, SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN THỰC PHẨM NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

I. THÔNG TIN CHUNG:

- Tên cơ sở: Hồ Khe Loanh, Ngụ cư Thụ Thủy
- Địa chỉ: Số nhà 101, Lũng Hoàng, Xã Thụ Thủy, P. Tân Phong - Lai Châu
- Số điện thoại: 0984.705.318
- Mã số đăng ký kinh doanh: 0331.880.12767
- Mặt hàng thu gom, sơ chế, chế biến: Sản phẩm (Sầu lã, Cà rốt)

6. Ngày thẩm định: 24/7/2026

7. Thành phần Đoàn thẩm định:

- Ông: Triệu Đình Sánh; Phó chi cục trưởng Chi cục PTNT và QLCL Nông lâm sản, Thủy sản - Trưởng đoàn;

- Ông: Nguyễn Ngọc Dũng; Chuyên viên Phòng QLCL Chi cục PTNT và QLCL Nông lâm sản, Thủy sản - Thành viên;

- Ông: Nguyễn Xuân Sơn; Chuyên viên Phòng QLCL Chi cục PTNT và QLCL Nông lâm sản, Thủy sản - Thành viên;

- Bà: Nguyễn Thị Thiết; Chuyên viên Phòng chăn nuôi thủy sản Chi cục chăn nuôi và Thú y - Thành viên;

- Ông: Lò Duy Tùng; Chuyên viên Trạm Kiểm dịch thực vật nội địa Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Thành viên.

- Đại diện phòng kinh tế/kinh tế hạ tầng và đô thị xã, phường:.....

8. Đại diện cơ sở:

- Ông/Bà: Nguyễn Thị Thuý - Chủ Cơ Sở

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ HÀNH CHÍNH, PHÁP LÝ CỦA CƠ SỞ

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận có pháp lý tương đương (có/không):

Số: 0331.880.12767 Ngày cấp: Lai Châu 24/3/2026

2. Xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm:

☒ Đáp ứng quy định

☐ Không đáp ứng quy định, lý do:

(Signature)

3. Xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp

☒ Đáp ứng quy định

☐ Không đáp ứng quy định, lý do:

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM:

Nhóm chỉ tiêu	Điều khoản tham chiếu	Nhóm chỉ tiêu đánh giá	Kết quả đánh giá		Diễn giải điểm chưa phù hợp và thời hạn khắc phục
			Đạt	Không đạt	
1	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm a; Điều 20, Khoản 1, Điểm a; QCKT tương ứng (nếu có);	Địa điểm sản xuất (có địa điểm thích hợp, có khoảng cách an toàn với các nguồn gây độc hại, gây ô nhiễm và các yếu tố gây hại khác cho thực phẩm;...)	✓		
2	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm a; Điều 25, Khoản 2; QCKT tương ứng (nếu có);	Kết cấu nhà xưởng, bố trí sản xuất (đủ diện tích, dễ làm vệ sinh, không gây ô nhiễm cho sản phẩm; không có hiện tượng ngưng tụ hơi nước; các công đoạn sơ chế, chế biến được bố trí theo nguyên tắc 1 chiều, tránh gây ô nhiễm chéo...)	✓		
3	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c; QCKT tương ứng (nếu có);	Trang thiết bị sản xuất (phù hợp để sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản, vận chuyển sản phẩm; trang thiết bị trực tiếp tiếp xúc với sản phẩm: không thấm nước, không gây độc cho sản phẩm, dễ làm vệ sinh...).	✓		
4	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c, d; QCKT tương ứng (nếu có);	Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị (sử dụng chất tẩy rửa nằm trong danh mục được phép sử dụng; dụng cụ làm vệ sinh, bảo trì, bảo dưỡng, có quy trình và thực hiện đúng quy trình vệ sinh nhà xưởng...)	✓		
5	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm e; QCKT tương ứng (nếu có);	Người trực tiếp sản xuất, vệ sinh công nhân (người trực tiếp sản xuất được khám sức khỏe định kỳ đầy đủ; có kiến thức về ATTP; có khu vực thay bảo hộ lao động; có đủ nhà vệ sinh ở vị trí thích hợp; đủ trang thiết bị làm vệ sinh công nhân; có quy định và thực hiện đúng quy định vệ sinh công nhân...)	✓		
6	Luật ATTP: Điều 10, Khoản 1; Khoản 2, Điểm a; Điều 19, Khoản 1, Điểm b; QCKT tương ứng (nếu có);	Nguyên liệu và các yếu tố đầu vào sản xuất thực phẩm (nước, nước đá đáp ứng quy định về nước ăn uống; phụ gia, chất bảo quản, chất hỗ trợ chế biến trong danh mục được phép sử dụng, bảo quản và sử dụng theo đúng quy định; nguyên liệu đáp ứng yêu cầu để sản xuất thực phẩm...)	✓		
7	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm c; Điều 20, Khoản 1, Điểm b; QCKT tương ứng (nếu có);	Phòng, chống động vật gây hại và xử lý chất thải, nước thải (có trang thiết bị và thực hiện phòng chống động vật gây hại; có biện pháp xử lý nước thải, nước thải đáp ứng quy định trước khi xả ra môi trường; có dụng cụ/ biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn...)	✓		
8	Luật ATTP: Điều 18; Điều 10, Khoản 2, Điểm b,c Điều 19, Khoản 1, Điểm c,d Điều 20, Khoản 1, Điểm a,c; Điều 21 QCKT tương ứng (nếu có);	Bao gói, ghi nhãn, bảo quản, vận chuyển (vật liệu bao gói không gây ô nhiễm cho sản phẩm; Ghi nhãn đầy đủ thông tin, đúng quy định; có nơi bảo quản, phương tiện bảo quản, vận chuyển phù hợp với từng loại sản phẩm, bảo đảm điều kiện vận chuyển, được sắp xếp hợp lý và vệ sinh sạch sẽ; ...)	✓		
9	Luật ATTP: Điều 19, Khoản 1, Điểm d; QCKT tương ứng (nếu có);	Điều kiện bảo đảm ATTP và QLCL (duy trì điều kiện bảo đảm ATTP; có thực hành sản xuất tốt (GMP), thực hành vệ sinh tốt (SOP); khuyến khích cơ sở áp dụng các chương trình QLCL tiên tiến theo HACCP, ISO 22000)	✓		
10	Luật ATTP: Điều 11, Khoản 2; Điều 19, Khoản 1, Điểm d; QCKT tương ứng (nếu có);	Ghi chép và truy xuất nguồn gốc (ghi chép việc tiếp nhận và sử dụng nguyên liệu, vật tư đầu vào của quá trình sản xuất; việc ghi chép các biểu giám sát thực hiện GMP, SOP; biện pháp khắc phục các điểm chưa phù hợp; các ghi chép nhằm truy xuất nguồn gốc sản phẩm...)	✓		
Tổng số nhóm chỉ tiêu được đánh giá: 10 / 10 nhóm chỉ tiêu			10		

IV. NHÓM CHỈ TIÊU KHÔNG ĐÁNH GIÁ VÀ LÝ DO:

V. LẤY MẪU (nếu có):

1. Thông tin về mẫu lấy (loại mẫu; số lượng mẫu; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu...),

2. Chỉ định chỉ tiêu phân tích:

(Kèm theo Biên bản lấy mẫu):

VI. Ý KIẾN CỦA ĐOÀN THẨM ĐỊNH:

1. Nhận xét về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở được thẩm định:

Tại thời điểm thẩm định tại Cơ sở số 10/10 nhóm Chuối tươi tại gia, để ghi Cơ sở tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về An toàn thực phẩm, chế biến thực phẩm.

2. Đề xuất phân loại cơ sở:

- Đạt ☒

- Không đạt ☐ (Có thể/Không thể khắc phục các điểm không phù hợp trong thời hạn phải cấp giấy chứng nhận ATTP)

3. Nội dung cần khắc phục, thời hạn khắc phục, báo cáo khắc phục:

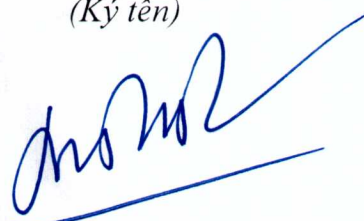
VII. Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN CƠ SỞ:

Biên bản được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau. Giao cơ sở 01 bản, đoàn thẩm định 01 bản lưu tại hồ sơ thẩm định.

Lai Châu, ngày 24 tháng 7 năm 2026
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC THẨM ĐỊNH
 (Ký tên, đóng dấu)


 Nguyễn Thị Kiều

Lai Châu, ngày 24 tháng 7 năm 2026
TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
 (Ký tên)


 Triệu Đình Sản

VIII. THẨM TRA BÁO CÁO KHẮC PHỤC (áp dụng đối với trường hợp nội dung cần khắc phục có thể khắc phục trong thời hạn phải cấp Giấy chứng nhận ATTP)

1. Tên cơ sở:
2. Mã số đăng ký kinh doanh:
3. Ngày thẩm định
4. Thông tin Báo cáo khắc phục :
 - Số văn bản, ngày:
 - Ngày nhận được báo cáo:
5. Đánh giá báo cáo khắc phục

Nhóm chỉ tiêu	Điểm chưa phù hợp tại Biên bản thẩm định ngày	Biện pháp khắc phục của cơ sở	Đánh giá của Đoàn thẩm định

6. Nhận xét về điều kiện bảo đảm ATTP của cơ sở sau khi thực hiện báo cáo hành động khắc phục (Đạt/Không đạt):

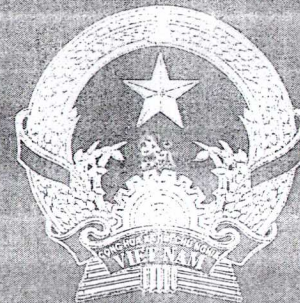
Lai Châu, ngày tháng năm 2026
TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
 (Ký tên)

NHỮNG THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

[illegible]

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý !

- 1- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo các điều 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79 Luật Đất đai 1993.
- 2- Khi có thay đổi về hình thức, quy mô sử dụng, mục đích sử dụng và người sử dụng khu đất, phải mang giấy chứng nhận này đến đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 3- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ một nội dung nào trong giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc làm hư hỏng giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

ỦY BAN NHÂN DÂN

Thị trấn Yên Châu

CHUNG NHẬN

Ban Na Ja
Xã Na Ja
Thị trấn Yên Châu

Được quyền sử dụng m² đất

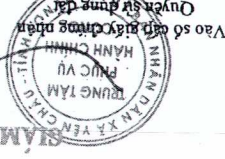
Tại:

Theo bảng liệt kê dưới đây:

Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phần ghi thêm
10-340530	45	23200	la-TR-PH	2/2052	
10-340530	44	20400	lla-BV-PH	2/2052	
10-340530	48	148300	lla1-BV-PH	2/2052	
10-340530	50	175700	lla1-BV-PH	2/2052	
10-340530	49	160300	lla1-BV-PH	2/2052	
10-340530	3	166600	lla1-BV-PH	2/2052	
10-340530	4	174000	lla1-BV-PH	2/2052	
10-340530	2	23600	lc-KN-PH	2/2052	
10-340530	11	120800	lla-BV-PH	2/2052	
10-340530	10	23000	lc-KN-PH	2/2052	
10-340530	12	162700	lla1-BV-PH	2/2052	
10-340530	26	76700	lla1-BV-PH	2/2052	
10-340530	1	33000	lla-TR-PH	2/2052	
10-340530	37	117300	la-TR-PH	2/2052	
10-340530	38	225800	la-TR-PH	2/2052	

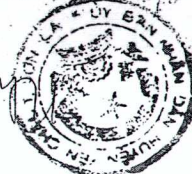
TRUNG TÂM PHẠM XÃ YÊN CHÂU

GIẤM ĐỌC



Số 00138 QSDĐ/125/QĐ-UB

Lô Thị Nhung



P. Chủ tịch UBND

Ngày 25 tháng 02 năm 2002

Số thửa	Số thửa	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phần ghi thêm
10-340530	40	229700	lla1-BV-PH	2/2052	
10-340530	6	63500	Tr-BV-PH	2/2052	
10-340530	5	152600	la-TR-PH	2/2052	
10-340530	39	54700	Tr-BV-PH	2/2052	
10-340530	7	49600	Tr-BV-PH	2/2052	
10-340530	8	202000	la-TR-PH	2/2052	
10-340530	1	40900	lc-KN-PH	2/2052	
10-340530	2	63500	Tr-BV-PH	2/2052	
10-340530	6	177300	la-TR-PH	2/2052	
10-340530	7	112400	la-TR-PH	2/2052	
10-340530	9	111600	lc-KN-PH	2/2052	
10-340530	8	136300	lc-KN-PH	2/2052	
10-340530	10	122900	la-TR-PH	2/2052	
10-340530	2	197000	Tr-BV-PH	2/2052	
10-340530	1	27600	Tr-BV-PH	2/2052	
10-340530	3	110000	Tr-BV-PH	2/2052	
10-340530	4	116800	la-TR-PH	2/2052	
10-340530	9	136000	Tr-BV-PH	2/2052	
10-340530	10	125100	Tr-BV-PH	2/2052	
10-340530	11	44000	Tr-BV-PH	2/2052	
10-340530	14	181200	la-TR-PH	2/2052	
10-340530	3	20000	la-TR-PH	2/2052	
10-340530	4	186600	la-TR-PH	2/2052	
10-340530	5	185100	Tr-BV-PH	2/2052	
10-340530	11	133500	Tr-BV-PH	2/2052	
10-340530	12	86300	la-TR-PH	2/2052	
10-340530	5	205600	Tr-BV-PH	2/2052	
10-340530	6	212600	Tr-BV-PH	2/2052	
10-340530	7	57600	lc-KN-PH	2/2052	
10-340530	8	171000	Tr-BV-PH	2/2052	

HÀNG TINH

Số: 25/CV-HKL

Yên Châu, ngày 09 tháng 6 năm 2026

V/v trả lời phương án khai thác Lâm sản
Ngoài gỗ của ông Lò Văn Cường
Bản Na Pa xã Yên Châu

Kính gửi: Ông: Lò Văn Cường – Bí thư, trưởng bản, là người đại diện
cho Cộng đồng bản Na Pa xã Yên Châu tỉnh Sơn La

- Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 55 Luật Lâm nghiệp 2017;
- Căn cứ khoản 2, Điều 20 ; Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; sửa đổi, bổ sung 2025;
- Căn cứ Khoản 7, Điều 6 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản, xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

1. Trình tự khai thác thực vật rừng ngoài gỗ:

- Quy định tại Khoản 9 Điều 6 Thông tư 26/2025/TT-BNNPTNT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Trước khi khai thác chủ rừng gửi 01 bản chính phương án khai thác đối với trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 6 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đến cơ quan Kiểm lâm sở tại để giám sát quá trình thực hiện.
- Sau khi hoàn thành khai thác, chủ rừng gửi bản sao bảng kê lâm sản đến Hạt kiểm lâm để theo dõi, tổng hợp.

2. Ban quản lý bản Na Pa - Chủ rừng

Thực hiện việc khai thác đảm bảo đúng nội dung phương án khai thác thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ.

+ Khai thác đúng thời gian, địa điểm, diện tích, số lượng lâm sản theo nội dung phương án đã lập.

+ Nghiêm cấm khai thác lâm sản ngoài gỗ sai địa điểm và vận chuyển lâm sản nơi khác về tập kết tại khu vực khai thác để hợp thức hóa sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy rừng sau khai thác, quá trình khai thác không làm ảnh hưởng đến chức năng phòng hộ của rừng tự nhiên là rừng sản xuất và rừng phòng hộ.

3. Giao Kiểm lâm địa bàn:

- Phối hợp với chính quyền địa phương và ban quản lý Bản Na Pa kiểm tra, giám sát chủ rừng thực hiện việc khai thác theo đúng nội dung phương án.

- Kiểm tra nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm tham mưu và lập hồ sơ xử lý theo quy định của pháp luật.

Hạt Kiểm lâm Khu vực VIII trả lời phương án khai thác lâm sản ngoài gỗ của ông Lò Văn Cường - Người đại diện cho Cộng đồng Bản Na Pa xã Yên Châu về việc khai thác lâm sản ngoài gỗ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu hồ sơ.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực...522...Quyển số...01...SCT/BS
Ngày...20...tháng...4...năm 2026.....
TRUNG TÂM PVHCC XÃ YÊN CHÂU



Lò Thị Nhung

KT. HẠT TRƯỞNG

PHÓ HẠT TRƯỞNG



Mùa Lao Tánh

CỘNG ĐỒNG
BẢN NA PA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản Na Pa, ngày 06 tháng 6 năm 2026

PHƯƠNG ÁN

Khái thác lâm sản ngoài gỗ tại Bản Na Pa,
xã Yên Châu tỉnh Sơn La

I. THÔNG TIN CHỦ RỪNG

- Tên chủ rừng: Lò Văn Cương - Bí thư, trưởng bản - Đại diện chủ rừng
Thường trú tại: Bản Na Pa, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La.
- CCCD. 014084013185, Nơi cấp C06-BCA
- Địa chỉ: Bản Na Pa xã Yên Châu tỉnh Sơn La
- Số điện thoại: 0983543462

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;
- Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; sửa đổi, bổ sung 2025;

- Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản, xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

2. Đối tượng xin khai thác tận thu:

Gồm: Sâm Tổ Nữ(Sắn dây củ tròn), Sâm Tiên Mao là loại lâm sản ngoài gỗ là cây Dược liệu loài thông thường từ rừng tự nhiên là rừng sản xuất, rừng Phòng hộ(*Quy định tại Khoản 7 Điều 6 Thông tư 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản, xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.*

3. Địa danh, diện tích khai thác:

3.1. Theo bản đồ rà soát đất Lâm nghiệp tỉnh Sơn La. Tại quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Sơn La.

Khu vực dự kiến khai thác có tổ thành các loài cây chủ yếu: Rừng tre và

rừng gỗ thông thường, trong đó có các loài lâm sản ngoài gỗ rất đa dạng và phân bố tương đối đều trên các lô rừng của cộng đồng bản Na Pa.

STT	Chủ rừng	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện Tích(Ha)	Trạng Thái	Loại rừng
1	CĐB NA PA	865	11	6	96,69	TXDK	PH
2	CĐB NA PA	865	11	11	7,06	DNN	PH
3	CĐB NA PA	865	11	7	49,50	HGD	PH
4	CĐB NA PA	865	7	6	76,33	TXDN	PH
5	CĐB NA PA	865	7	5	28,23	HGD	PH
6	CĐB NA PA	865	12	4	61,27	TXDN	PH
7	CĐB NA PA	865	12	5	115,16	HGD	PH
8	CĐB NA PA	868	1	13	89,18	HGD	PH
9	CĐB NA PA	868	1	15	24,24	TND	PH
10	CĐB NA PA	868	2	12	78,79	HGD	PH
Tổng					626,45ha		

3.2. Một phần khai thác trên đất nông nghiệp của các hộ dân: Ranh giới các chủ nương, bờ rào, vườn nhà, Ta huy đường, bờ ao v...

4. Sản lượng dự kiến khai thác lâm sản ngoài gỗ:

Sâm Tở Nữ (Sắn day củ tròn) 72 tấn tươi; Sâm Tiên Mao 5 tấn tươi.

5. Phương thức khai thác:

Khai thác các loài lâm sản ngoài gỗ thông thường đã khảo sát trong rừng tự nhiên, không làm ảnh hưởng đến chức năng phòng hộ và sinh trưởng của loài và cây rừng chính.

Khai thác các loài lâm sản ngoài gỗ đã già cỗi hoặc sâu bệnh, kém phát triển nhằm tăng thu nhập cho người dân khuyến khích bảo vệ rừng.

6. Các biện pháp bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng:

Chủ rừng thực hiện các biện pháp phòng cháy chữa cháy rừng, không làm phá vỡ cấu trúc rừng tự nhiên khu rừng cộng đồng của bản trong quá trình khai thác, vận chuyển.

Nếu có vi phạm trong quá trình khai thác hoặc lợi dụng việc khai thác để chặt phá rừng vì bất kỳ mục đích gì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Thời gian khai thác từ ngày 10 tháng 6 năm 2026 đến hết 10 tháng 6 năm 2027.

7. Giải pháp phục hồi rừng sau khai thác: Sau khai thác chủ rừng tiến hành dọn dẹp khu vực khai thác, để các loài lâm sản ngoài gỗ sinh trưởng phát triển trở lại.

Ngày 06 tháng 6 năm 2026

ĐẠI DIỆN CHỦ RỪNG



Lò Văn Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP DÂN

Về việc khai thác lâm sản ngoài gỗ

Hôm nay, ngày 06/6/2026 tại Bản Na Pa xã Yên Châu tỉnh Sơn La.

I. Thành phần:

1. Ông: Lò Văn Cương – Bí Thư, trưởng bản – Chủ trì cuộc họp
2. Ông: Quang Văn Tân.... – Bản đội trưởng, Tổ bảo vệ rừng – Thư ký
3. Ông: Quang Văn Dân.... – Phó bản, Mặt trận bản – Thành viên.
4. Gồm ... 7.8.....hộ/ 7.8..... hộ có mặt tham gia cuộc họp

II. Nội dung:

Căn cứ vào số lượng lâm sản ngoài gỗ của rừng cộng đồng Bản Na Pa, chúng tôi họp dân về việc xin khai thác các loại lâm sản ngoài gỗ mà pháp luật quy định chủ rừng được hưởng lợi do chủ rừng quản lý, bảo vệ để tăng thu nhập cho các hộ gia đình từ nghề rừng, khuyến khích bảo vệ rừng tốt hơn.

Ban quản lý Bản Na Pa thống nhất và giao cho ông Lò Văn Cương – Bí thư, trưởng bản, Là người đại diện cho cộng đồng bản làm hồ sơ, phương án khai thác các loại lâm sản ngoài gỗ có trong rừng của cộng đồng.

Khai thác đúng địa điểm, diện tích đã xây dựng phương án khai thác Lâm sản ngoài gỗ, nghiêm cấm khai thác chỗ khác về tập kết tại khu rừng đã có phương án để hợp thức hóa, nếu có vi phạm sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Nội dung họp các hộ có mặt đều nhất trí khai thác tĩa thừa các loại lâm sản ngoài gỗ thông thường theo quy định, không làm ảnh hưởng đến sinh trưởng của loài và cây rừng chính.

Kính mong cấp có thẩm quyền xem xét, giúp đỡ người dân được hưởng một phần nguồn lợi từ rừng.

Na Pa ngày 06/6/2026

Đại diện hộ dân

Thư ký

Đại diện chủ rừng cộng đồng

Nam
Quang Văn Nam
Nam
Lò Văn Nam

Dân
Quang Văn Dân

Lò Văn Cương
Lò Văn Cương

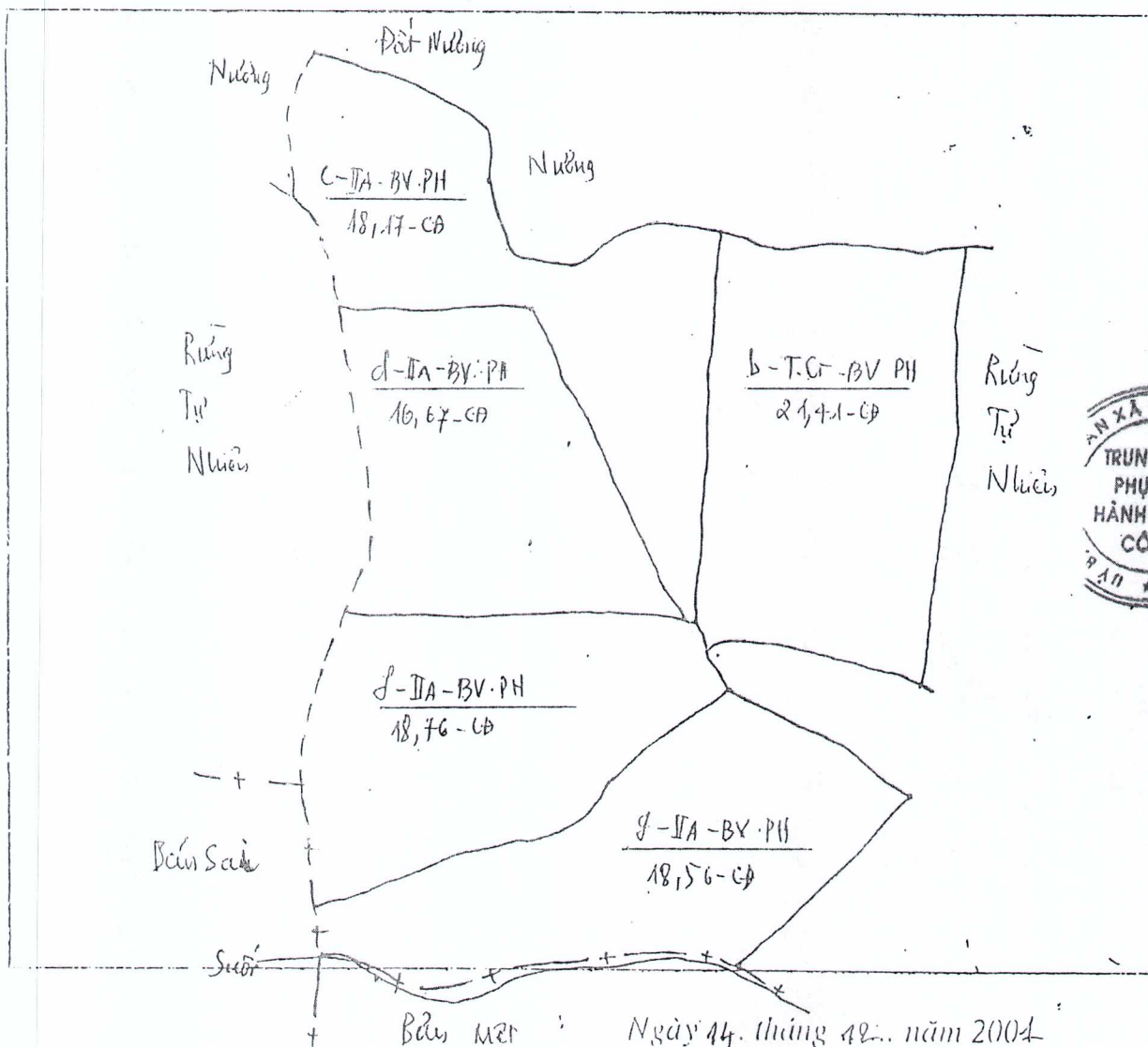
Họ tên chủ rừng: ...Công Đồng...Na Pa.....

Bản ...Na Pa.....Xã ...Sài Vạt.....Huyện ...Yên Châu.....

Diện tích lô đấtha thuộc tiểu khu ...969A... Khoảnh ...1.... lô số b, c, d, g.

Theo bản đồ địa chính thuộc tờ bản đồ số ...10.334.53.6.....thửa số 24.18, 20, 30, 36

Tên xứ đồng ...Chợ...Na F.....

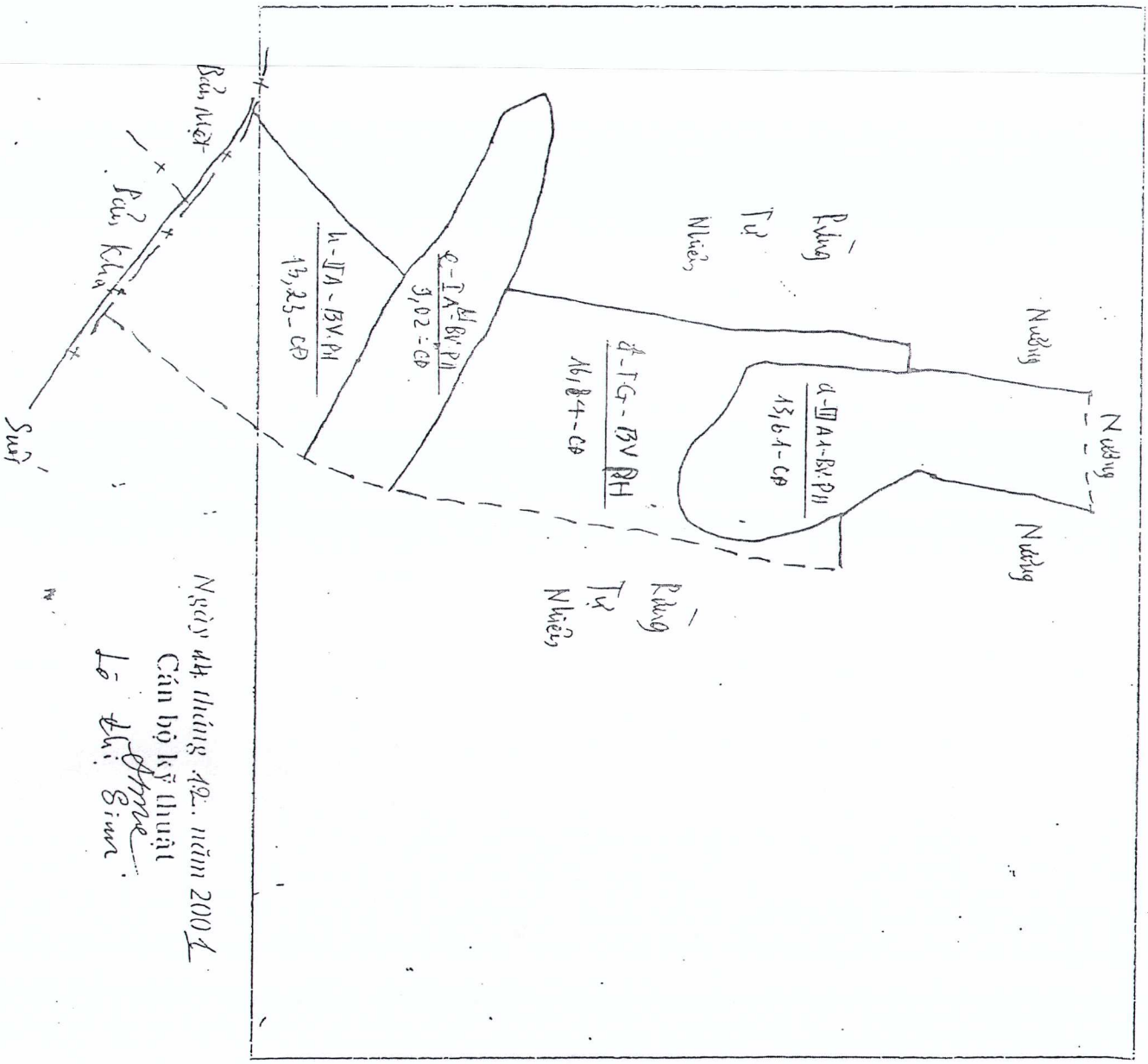


Ngày 44. tháng 42. năm 2004

Cán bộ kỹ thuật

Lô thị: Sim

Họ tên chủ rừng: Công đồng bản Pa Pa
 Bản Na Pa Xã Sốp Vắt Huyện Yên Định
 Diện tích lô đất ha thuộc tiểu khu 859A Khoảnh A lô số a, a1, e, h
 Theo bản đồ địa chính thuộc tờ bản đồ số Aa-384534 thửa số 15, 22, 34, 35
 Tên xứ đóng Cốc Lưỡng + Lưỡng bản



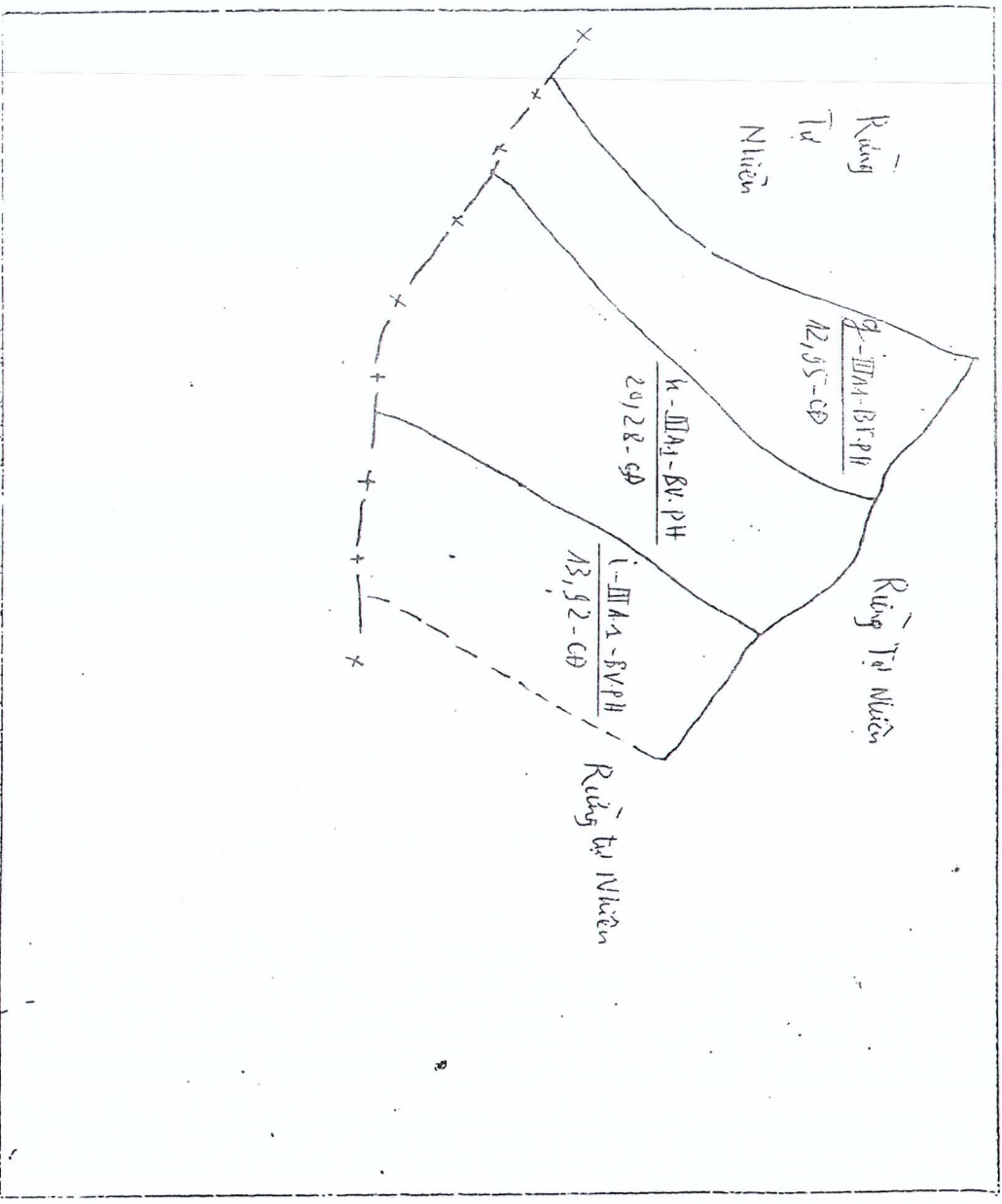
Ngày 44 tháng 42. năm 2004
 Cán bộ kỹ thuật
Lô thị Giun

Màu số 8

TRÍCH LƯỢC HÌNH THẺ LỘ DẤT LÃN NGHIỆP
(Kèm theo bản GDLN-CIR)

Tờ số:.....

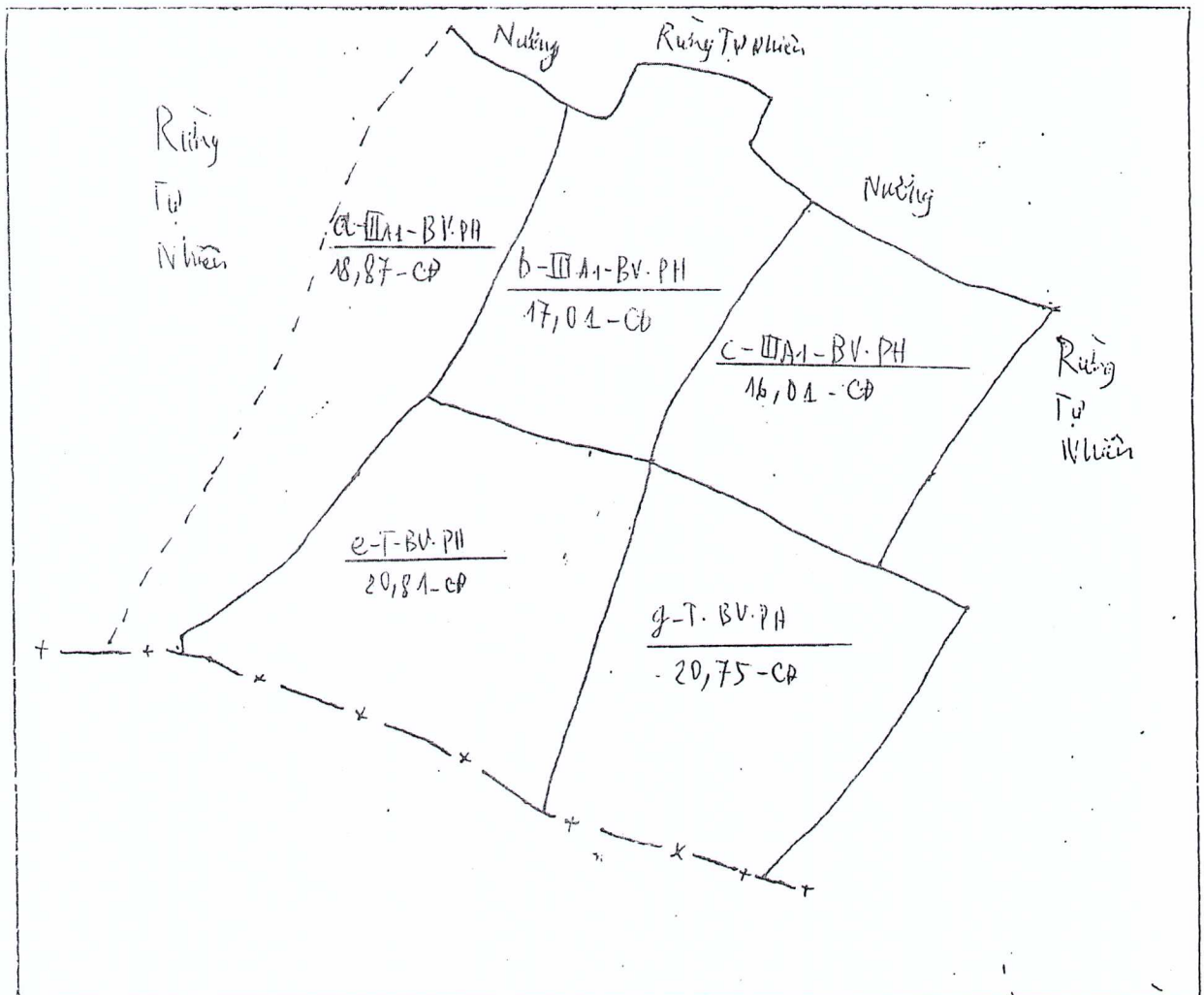
Họ tên chủ rừng: Nguyễn Đình Văn.....
Huyện Định Hóa.....
Xã Sông Khén.....
Diện tích tờ đấtha thuộc tiền khu 865... Khu vực AA... lô số 9, 14, 15..
Theo bản đồ địa chính thuộc tờ bản đồ số 40-334530... thửa số 2, 3, 4, 22..
Tên xứ dòng: (Đất rừng).....



TRUNG
PHỤ
LÃNH
CƠ

Ngày 14 tháng 4 năm 2004
Cán bộ kỹ thuật
Đinh Văn
Là Đinh Văn

Họ tên chủ rừng: Công Đồng hân Na Pa
 Bản Na Pa.....Xã Sấp Vát.....Huyện Yên Châu
 Diện tích lô đấtha thuộc tiểu khu 865.....Khoảnh 12.....lô số a, b, c, e, g
 Theo bản đồ địa chính thuộc tờ bản đồ 10-334.530.....thửa số 18, 17, 18, 35, 36
 Tên xứ đồng Lâm đôn



Ngày 11 tháng 12 năm 2001

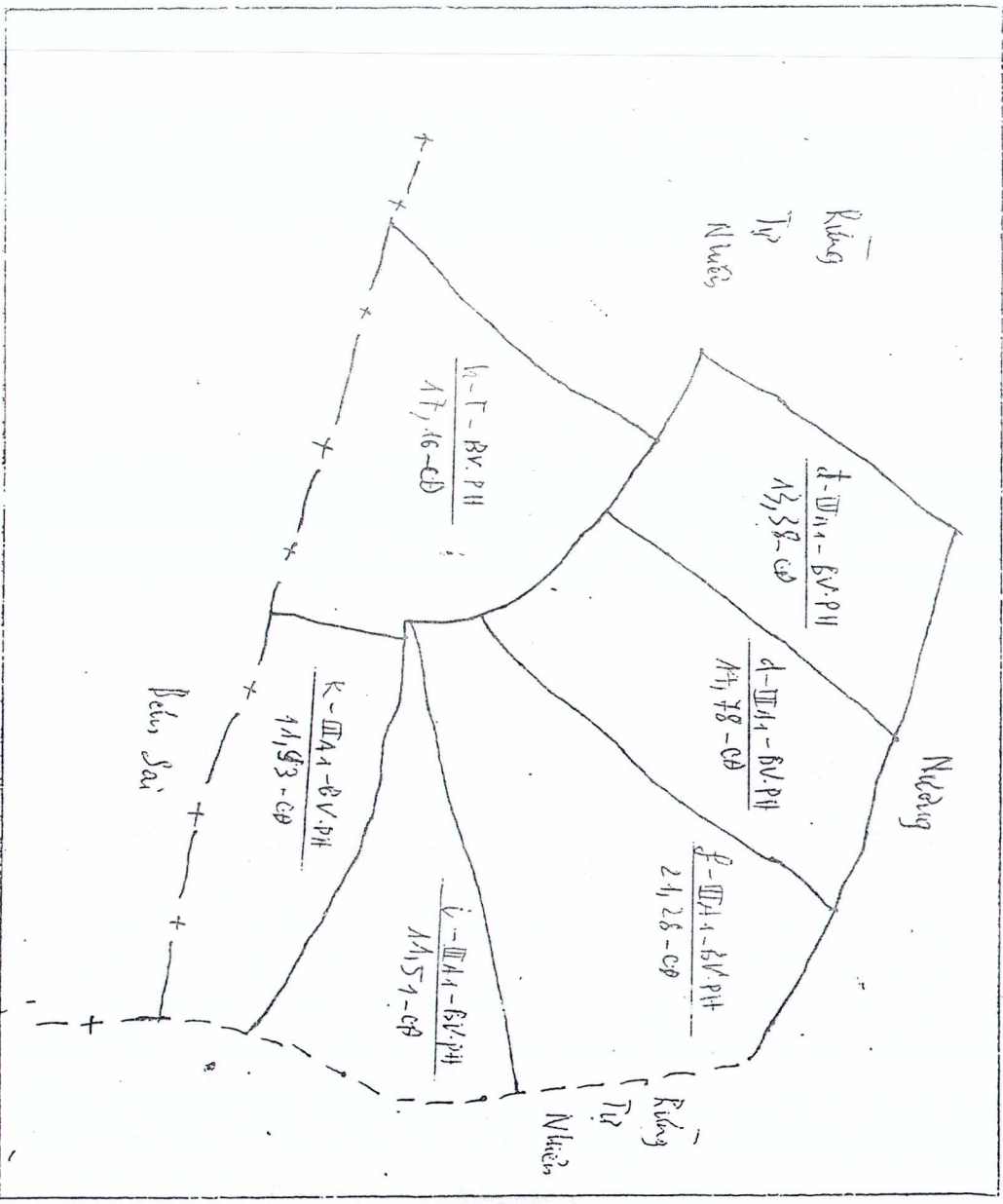
Cán bộ kỹ thuật

Đỗ Thị Sim

TRÍCH LƯỢC HÌNH THIỆT ĐẤT LÂM NGHIỆP
(Kèm theo biên bản CĐLN-CR)

Tờ số:

Họ tên chủ rừng: Công đồng, bản Na Pa
 Bản Na Pa Xã Sập, Vạt Huyện Yên Châu
 Diện tích lô đất ha thuộc tiểu khu 865 ... Khóanh 12 ... lô số đất 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100 ...
 Theo bản đồ địa chính thuộc tờ bản đồ số 46.334336, 334330 ... thửa số 46, 47, 48, 28, 27, 2
 Tên xứ dòng ... Lôn đến



Ngày 14 tháng 02 năm 2004
 Cán bộ kỹ thuật
Đinh Văn Sơn
 Lo Shi Sim

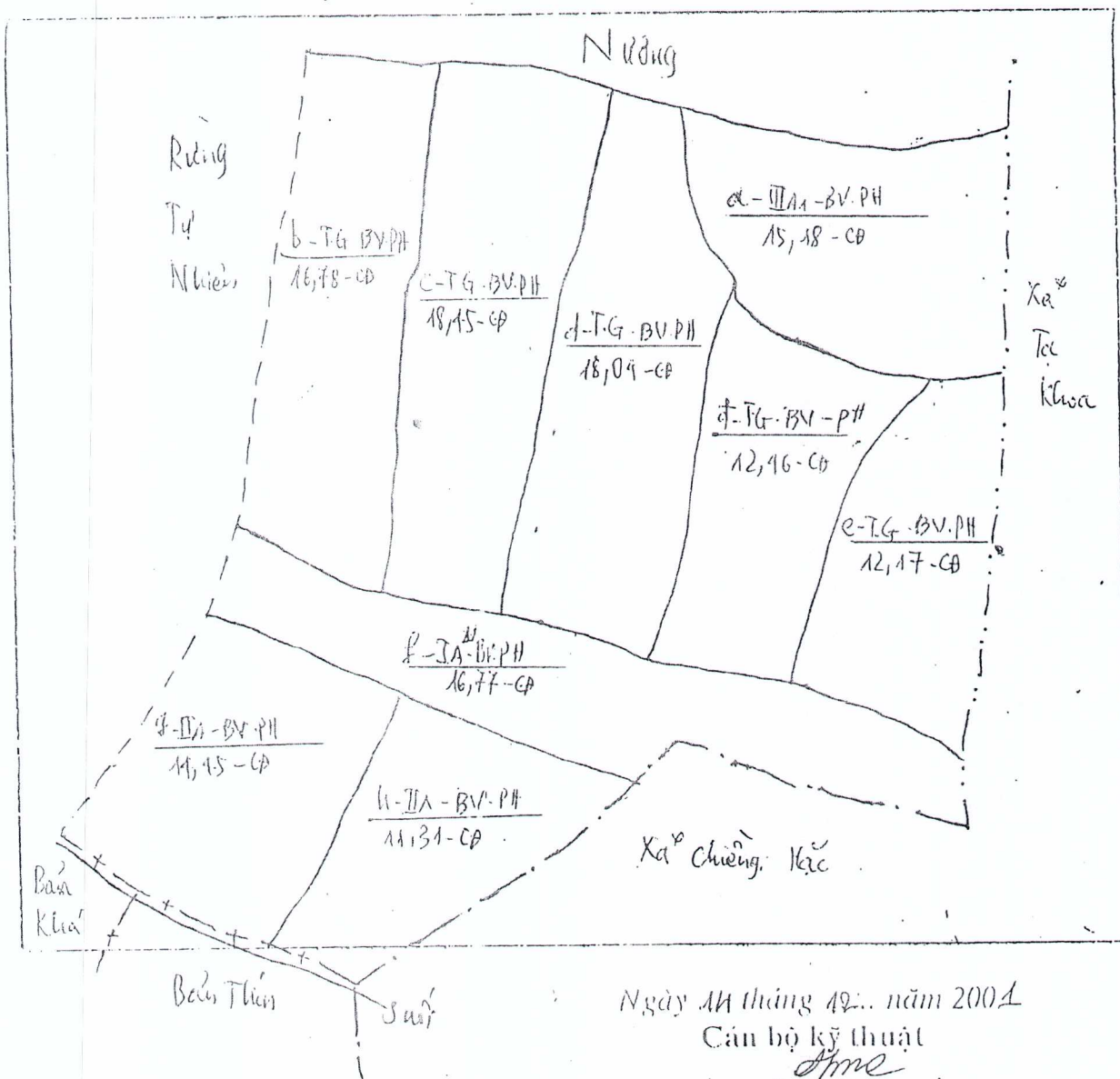
Họ tên chủ rừng: Cộng đồng dân Na Pa

Bản Na Pa Xã Sáp Vát Huyện Văn Chấn

Diện tích lô đấtha thuộc tiểu khu 869A Khoảnh 2 lô số 9, 10, 11, 12, 13, 14

Theo bản đồ địa chính thuộc tờ bản đồ số 46-334536 thửa số 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30

Tên xứ đồng Háng Ban + Thảm Liếm 40, 41



Ngày 14 tháng 02 năm 2004

Cán bộ kỹ thuật

Đinh
Lô thí: Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

MUA TOÀN BỘ SỐ LÂM SẢN PHỤ CỦA ÔNG
LÒ VĂN CƯƠNG SAU KHAI THÁC.

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày 20 tháng 6 năm 2026, vào hồi 10 giờ, tại Bản Na Pa xã Yên Châu, tỉnh Sơn La.

I. Thành phần:

1. Ông: Lò Văn Cương - Đại diện chủ rừng, chủ lâm sản sau khai thác (Bên A, bên bán lâm sản).

Thường trú tại: Bản Na Pa, xã ~~Chiềng Chải~~ ^{Chiềng Chải} tỉnh Sơn La.

CCCD. 014084013185 Nơi cấp C06-BCA

2. Bà: Lò Thị Việt - Bên B, bên thu mua lâm sản ngoài gỗ

Thường trú tại: Tiểu Khu Phiêng Nghè xã Yên Châu, Sơn La.

CCCD: 014187013364, C06 – Bộ công an.

3. Ông/bà: - Chứng kiến (Nếu có).....

II. NỘI DUNG:

Hai bên thống nhất mua, bán các loại lâm sản ngoài gỗ sau khai thác trong phương án của chủ rừng. Ông Lò Văn Cương là người đại diện cho chủ rừng khai thác tại bản Na Pa xã Yên Châu tỉnh Sơn La.

Bên A: Lò Văn Cương - Bên bán lâm sản ngoài gỗ

Bên B: Lò Thị Việt – Bên mua lâm sản ngoài gỗ

III. Thống nhất việc chuyển nhượng như sau:

- Thống nhất việc mua, bán các loại lâm sản ngoài gỗ có trong phương án khai thác, sau khai thác chủ rừng bán toàn bộ số lâm sản khai thác được cho bà: Lò Thị Việt, Tiểu Khu Phiêng Nghè xã Yên Châu để sơ chế, nếu bán đi nơi khác, không theo Hợp đồng này sẽ bị xử lý theo quy định của Luật dân sự.

- Bên nào tự ý hủy bỏ Hợp đồng này sẽ bồi thường thiệt hại 200% số tiền thiệt hại do mỗi bên đầu tư.

Biên bản kết thúc vào hồi 10 giờ, 28 phút cùng ngày, đã được thông qua cho các thành phần trên cùng nghe nhất trí và ký vào biên bản, biên bản lập thành 03 bản có nội dung như nhau, mỗi bên giữ lại một bản./.

Bên A

Người chứng kiến

Bên B



Lò Văn Cương

Lò Thị Việt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN SẢN PHẨM HÀNG HOÁ

Số:01/MBHH/2026

Hôm nay, ngày 15 tháng 06 năm 2026 tại số nhà 16 A, ngõ 033, đường Phạm Văn Đồng, Tổ 23, Phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

Chúng tôi gồm có:

1. Bên Bán (gọi là Bên A):

-Đại diện bởi Bà: **Lò Thị Việt**

- Địa chỉ: Địa chỉ tiểu khu Phiêng nghề, xã yên châu, Sơn la

- Số Căn Cước Công Dân: 014187013364, ngày cấp 09/05/2021

- Điện thoại: 0374550823

- Tài khoản số 7903178787889 Mở tại Ngân hàng Nông Nghiệp Phát Triển Nông Thôn Việt Nam

2. Bên Mua (gọi là Bên B):

- Đại diện bởi Bà: **Nguyễn Thị Thuỷ**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 16A, Ngõ 033, đường Phạm Văn Đồng, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu

- Số Căn Cước Công Dân: 033188012767, ngày cấp 27/02/2022

- Điện thoại: 0984705318

- Tài Khoản số: 3620495765

- Mã số HKD số :033188012767

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1. Bên B nhận mua của Bên A

Tên hàng: Là củ sâm tố nữ (củ sắn dây tròn) được khai thác tại Sơn La và tinh bột củ này đã được bà Lò Thị Việt chế biến, bà Nguyễn Thị Thuỷ mua về để bán

Đơn giá được 2 bên thoả thuận theo từng lần lấy hàng (giá cả phụ thuộc vào lấy ít hay nhiều, theo giá cả thị trường) Mỗi lần mua đều có bảng kê ký kết giao nhận hàng của 2 bên.

Điều 2. Tiêu chuẩn chất lượng và quy cách hàng hóa Bên A phải đảm bảo

1. Chất lượng hàng đạt chuẩn theo quy định thoả thuận

2. Quy cách hàng hoá từng loại phải đạt yêu cầu.

Điều 3. Phương thức giao nhận nông sản hàng hóa/ tinh bột

1. Thời gian giao nhận: Bên A và Bên B thỏa thuận thời gian giao nhận hàng hóa. Bên B thông báo lịch nhận hàng cụ thể cho Bên A trước thời gian ít nhất 5 ngày để Bên A chuẩn bị.
2. Địa điểm giao nhận: do hai bên thỏa thuận sao cho hàng nông sản được vận chuyển thuận lợi và bảo quản tốt nhất (có thể gửi bưu điện hoặc gửi xe khách, xe tải)

Điều 4. Phương thức thanh toán

- Thanh toán bằng tiền mặt/ Chuyển khoản/ thu cod qua bưu cục chuyển phát/ nhờ nhà xe thu hộ.

Điều 5. Về chia sẻ rủi ro bất khả kháng và biến động giá cả thị trường.

1. Trường hợp phát hiện hoặc có dấu hiệu bất khả kháng thì mỗi bên phải thông báo kịp thời cho nhau để cùng bàn cách khắc phục và khẩn trương cố gắng phòng tránh, khắc phục hậu quả của bất khả kháng. Khi bất khả kháng xảy ra, hai bên phải tiến hành theo đúng các thủ tục quy định của pháp luật lập biên bản về tổn thất của hai bên, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã (huyện) nơi xảy ra bất khả kháng để được miễn trách nhiệm khi thanh lý hợp đồng.

Điều 6. Trách nhiệm vật chất của các bên trong việc thực hiện hợp đồng

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng, bên nào không thực hiện đúng, thực hiện không đầy đủ hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì bị phạt bồi thường thiệt hại vật chất.

- Mức phạt vi phạm hợp đồng về số lượng, chất lượng, giá cả, thời gian và địa điểm phương thức thanh toán do hai bên thỏa thuận ghi vào hợp đồng.

Bên B có quyền từ chối nhận hàng nếu chất lượng hàng hoá không phù hợp với quy định của hợp đồng.

Điều 7. Giải quyết tranh chấp hợp đồng

- Hai bên phải chủ động thông báo cho nhau về tiến độ thực hiện hợp đồng. Những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng có nguy cơ dẫn tới không đảm bảo tốt cho việc thực hiện hợp đồng, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau tìm cách giải quyết. Trường hợp có tranh chấp về chất lượng hàng hóa, hai bên mời cơ quan giám định có thẩm quyền tới giám định, kết luận của cơ quan giám định là kết luận cuối cùng.

- Trường hợp việc thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì các bên đưa vụ tranh chấp ra tòa kinh tế để giải quyết theo pháp luật.

Điều 8. Hiệu lực của hợp đồng

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 06 năm 2026 đến ngày 15 tháng 06 năm 2027
- Mọi sửa đổi, bổ sung (nếu có) liên quan đến hợp đồng này chỉ có giá trị pháp lý khi được sự thỏa thuận của các bên và lập thành biên bản có chữ ký của các bên xác nhận.
- Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý hợp đồng này sau khi hết hiệu lực không quá 10 ngày. Bên mua có trách nhiệm tổ chức và chuẩn bị thời gian, địa điểm họp thanh lý.
- Hợp đồng này được làm thành 2 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 1 bản.

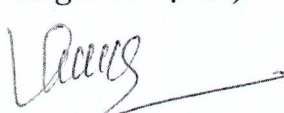
Bên A

(Ký và ghi rõ họ tên)


Go Thi Viet

Bên B

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Thuy